

Số: 111/2024/QĐST- HNGĐ

Cao Bằng, ngày 20 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2024/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Bùi Thu T** - Sinh năm 1981

Địa chỉ: Số nhà B, chung cư H, H, H, Hà Nội.

- *Bị đơn*: Anh **Trịnh Ngọc N** - Sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ H, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào khoản 3,4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thu T và anh Trịnh Ngọc N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thu T và anh Trịnh Ngọc N.

- **Về con chung:** Hai bên đương sự cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Bảo L, sinh ngày 21/4/2006, giới tính: nam và Trịnh Bảo N1, sinh ngày 03/12/2015, giới tính: nữ.

Khi ly hôn chị Bùi Thu T và anh Trịnh Ngọc N thống nhất thỏa thuận giao con chung Trịnh Bảo N1 cho anh Trịnh Ngọc N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh N thống nhất thỏa thuận không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- **Về chia tài sản chung:** Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Bùi Thu T và anh Trịnh Ngọc N mỗi người phải nộp 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc thuận tình ly hôn để sung công quỹ nhà nước. Hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận chị Bùi Thu T tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí. Tổng số tiền án phí chị Bùi Thu T phải nộp là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thu T đã nộp với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 00001058 ngày 27/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Xác nhận chị Bùi Thu T đã nộp đủ tiền án phí và được hoàn lại số tiền là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Cao Bằng;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Cao Bằng;
- UBND phường H;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Lương Thị Hợp**